**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GDCD LỚP 12**

**I.PHẦN LÝ THUYẾT**

**1.Pháp luật.**

*\*Đặc trưng:*

-Tính quy phạm phổ biến : rộng rãi, áp dụng nhiều lúc , nhiều nơi, nhiều người.

-Tính quyền lực bắt buộc chung: cưỡng chế, bắt buộc phải thực hiện.

-Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức: chặt chẽ, chính xác, một nghĩa. Văn bản cấp dưới pải phù hợp với văn bản cấp trên.

*\*Bản chất:*

-Bản chất giai cấp: gc cầm quyền

Pl XHCN (VN) : gc công nhân.

-Bản chất xã hội:

Do các thành viên trong xh thực hiện.

Bắt nguồn từ thực tiễn xh

Vì sự phát triển của xh.

*\*Vai trò:*

-Đối với nhà nước: là phương tiện quản lí xã hội.

-Đối với công dân: là phương tiện để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cd.

*\*Mối quan hệ: PL với đạo đức.*

-Đạo đức tiến bộ, phù hợp, phổ biến -> pl.

-PL là phương tiện đặc thù để thực hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.

**2.Thực hiện pl.**

*\*Các hình thức thực hiện pl*

-Sử dụng pl: quyền, được làm, cho phép làm.

-Áp dụng pl: chủ thể là cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền.

-Thi hành pl: phải làm.

-Tuân thủ pl: cấm – ko được làm.

*\*Các loại vi phạm pl:*

-Vp hình sự: nguy hiểm – để lại hậu quả nghiêm trọng.

Trách nhiệm pháp lí: Tòa án quyết định

Từ 14 -> dưới 16 tuổi: rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng do cố ý.

(Có thể - đã phải chịu trách nhiệm pháp lí)

Từ đủ 16: mọi tội phạm.

-Vi phạm hành chính: xâm phạm quan hệ xã hội – quy tắc quản lí nhà nước.

Trách nhiệm pháp lí:

Từ đủ 14 -> dưới 16 tuổi: lỗi cố ý.

Từ đủ 16: mọi vi phạm.

-Vi phạm dân sự: xâm phạm quan hệ tài sản và nhân thân.

-Vi phạm kỉ luật: quan hệ lao động. (người lao động)

**3.Bình đẳng:**

-Công dân bình đẳng trước pl: hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lí.

-Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình: quyền và nghĩa vụ:

Giữa vợ - chồng: tài sản và nhân thân.

Cha mẹ với con ; Ông bà và cháu ; Anh chị em.

-Bình đẳng trong lao động:

Trong thực hiện quyền lđ: tìm kiếm việc làm.

Giữa người lđ và người sd lđ: hợp đồng lđ.

Giữa lđ nam và lđ nữ.

-Bình đẳng trong kình doanh: quyền và nghĩa vụ của những người kinh doanh.

-Bình đẳng giữa các dân tộc: chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục.

-Bình đẳng giữa các tôn giáo: được nhà nước bảo hộ về hoạt động và cơ sở tôn giáo hợp pháp.

**4.Các quyền tự do cơ bản:**

*\*Quyền bất khả xâm phạm về thân thể: bắt , giam giữ người*

-TA, VKS ra quyết định bắt bị can, bị cáo.

-VKS phê chuẩn bắt người khẩn cấp trong vòng 12h.

-Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

*\*Bất khả xâm phạm về chỗ ở.*

2 trường hợp được phép khám xét chỗ ở của công dân:

-TH1: khi có căn cứ tại chỗ ở của người đó có tài liệu, phương tiện, đồ vật lien quan đến vụ án.

-TH2: cần bắt tội phạm hoặc người đang bị truy nã lẩn trốn ở đó.

*\*Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.*

-Pl nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tới sức khỏe của người khác : đánh người, gây thương tích.

- Pl nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tới tính mạng: giết người, làm chết người, đe dọa giết người.

- Pl nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm của người khác.

*\*Quyền tự do ngôn luận.*

Là quyền của công dân dược tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm về các vấn đề của đất nước

-Quyền tự do ngôn luận được thực hiện bằng 2 hình thức: trực tiếp – gián tiếp

*\*Đảm bảo an toàn bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.*

**5.Quyền dân chủ:**

*\*Bầu cử, ứng cử:*

-dân chủ trong lính vực chính trị.

-Thông qua: dân chủ gián tiếp.

-Độ tuổi.

-Nguyên tắc bầu cử: phổ thông, bình đẳng , trực tiếp, bỏ phiếu kín.

-Con đường ứng cử: tự ứng cử - được giới thiệu ứng cử.

*\*Tham gia quản lí nhà nước và xã hội.*

-Dân chủ chính trị - trực tiếp.

-Cả nước: tham gia xây dựng văn bản luật, góp ý kiến khi Nhà nước trưng cầu dân ý.

-Cơ sở: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

*\*Khiếu nại, tố cáo:*

-Khiếu nại: đòi quyền lợi của mình.- mọi công dân, tổ chức.- Có quyền kiện ra tòa

-Tố cáo: phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm pl.- chỉ có công dân.

**6.Quyền học tập:**

-không hạn chế : các cấp bậc học từ thấp đến cao.

-thường xuyên, suốt đời: với các loại hình trường lớp khác nhau.

-tự do lựa chọn ngành nghề.

-được đối xử bình đẳng về cơ hội học tập.

**4.Quyền sáng tạo:**

-Quyền tự do nghiên cứu, phát minh , sáng chế ra các sản phẩm.

-Sáng tác văn học nghệ thuật.

-Tham gia các hoạt động khoa học.

-Quyền khám phá khoa học.

**7.Quyền phát triển:**

-Sống trong môi trường tự nhiên và xã hội có lợi.

-Đáp ứng đầy đủ về đời sống vật chất ( điều kiện đất nước)

-Chăm sóc sức khỏe.

-Được thông tin, vui chơi, giải trí,..

-Khuyến khích phát triển tài năng, năng khiếu.

-Tạo điều kiện để cống hiến tài năng.

**8.Pháp luật với sự phát triển bền vững của đất nước.**

*\*Nội dung của pháp luật về phát triển kinh tế:*

-Quyền tự do kinh doanh.

-Nghĩa vụ của người kinh doanh

*\*Nội dung cơ bản của pháp luật về phát triển các lĩnh vực xã hội:*

-giải quyết việc làm.

-xóa đói giảm nghèo.

-dân số.

-chăm sóc sức khỏe.

-phòng chống tệ nạn xã hội.

*\*Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường.*

-nguyên tắc trong bảo vệ môi trường

-Các hoạt động bảo vệ môi trường (những việc phải làm phải làm.)

-Những hoạt động cấm để bảo vệ môi trường.

**I.PHẦN CÂU HỎI**

Câu 1. Pháp luật là hệ thống các

A. văn bản và nghị định do các cấp ban hành.

B. điều luật cụ thể trong thực tế đời sống.

C. quy tắc sử xự chung do nhà nước ban hành.

D. quy tắc sử xự được hình thành theo từng địa phương.

Câu 2 . Đặc trưng nào dưới đây là của pháp luật?

A. Tính hiện đại. B. Tính nhân văn.

C. Tính truyền thống. D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 3. Trên đường phố, tất cả mọi người đều chấp hiệu lệnh của người điều khiển giao thông là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính nhân văn. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 4. Văn bản quy phạm pháp luật phải diễn đạt chính xác, dễ hiểu, một nghĩa thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

A. Tính quyền lực bắt buộc chung. B. Tính quy phạm phổ biến.

C. Tính cưỡng chế. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 5. B đủ 17 tuổi có hành vi cướp giật tài sản của người đi đường. Hành vi của B vi phạm pháp luật nào dưới đây?

A. hình sự. B. dân sự.

C. hành chính. D. kỉ luật.

Câu 6: Thực hiện pháp luật là làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành hành vi

A. hợp pháp.

B. đạo đức.

C. nhân văn.

D. tự nguyện.

Câu 7. Cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm là

A. tuân thủ pháp luật.

B. sử dụng pháp luật.

C. thi hành pháp luật.

D. áp dụng pháp luật.

Câu 8. Trong các hành vi dưới đây, hành vi nào phải chịu trách nhiệm hình sự?

A. Cắt trộm cáp điện.

B. Mượn tiền không trả đúng hẹn.

C. Nghỉ việc không xin phép.

D. Vượt đèn đỏ.

Câu 9. Bà H lấn chiếm vỉa hè để buôn bán. Hành vi của bà H vi phạm pháp luật nào dưới đây?

A. Hành chính.

B. Kỉ luật.

C. Hình sự.

D. Dân sự.

Câu 10. Bị bạn cùng lớp đánh, Q rủ nhiều người để đánh trả. Nếu em được Q rủ, em sẽ lựa chọn cách xử sự nào dưới đây cho phù hợp với quy định của pháp luật?

A. Khuyên bạn không nên làm vậy, vì đấy là hành vi trái pháp luật.

B. Khéo léo từ chối tham gia, vì sợ bị liên lụy bản thân.

C. Đồng ý tham gia vì cảm thấy thú vị.

D. Nhận lời của bạn, nhưng không tham gia.

Câu 11. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước

A. gia đình theo quy định của dòng họ.

B. tổ chức, đoàn thể theo quy định của Điều lệ.

C. tổ dân phố theo quy định của xã, phường.

D. Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

Câu 12 . Bạn A (18 tuổi) rủ M (15 tuổi) cùng thực hiện hành vi cướp giật. Tòa án xét xử hai bạn với hai mức án khác nhau. Việc xét xử của tòa án đã đảm bảo được điều gì dưới đây của công dân?

A. Bình đẳng về nghĩa vụ.

B. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

C. Bất bình đẳng về nghĩa vụ.

D. Bất bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.

Câu 13. Sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả lương, điều kiện làm việc được gọi là

A. giao ước lao động.

B. cam kết lao động.

C. thỏa thuận lao động.

D. hợp đồng lao động.

Câu 14. Nghĩa vụ quan trọng nhất của công dân khi thực hiện kinh doanh là

A. thực hiện phòng cháy chữa cháy.

B. nộp thuế đầy đủ.

C. bảo vệ người tiêu dung.

D. bảo vệ môi trường

Câu 15. Lưu thông tiền tệ do yếu tố nào quy định ?

A. Lưu thông hàng hoá. B. Giá cả. C. Chất lượng hàng hoá. D. Tất cả các yếu tố trên.

Câu 16. Trong nền sản xuất hàng hoá quy luật kinh tế nào quyết định hoạt động của người sản xuất, người mua, người bán trên thị trường?

A. Quy luật giá trị. B. Quy luật cung - cầu.

C. Quy luật cạnh tranh. D. Quy luật lưu thông.

Câu 17. Các chủ thể kinh tế tham gia sản xuất - kinh doanh giành lấy những gì?

A. Lợi nhuận cao. B. Chi phí sản xuất thấp.

C. Những điều kiện thuận lợi. D. Thị trường.

Câu 18. Em cho biết ý kiến đúng?

A. Phát triển kinh tế không cần cạnh tranh.

B. Tự phát, nâng giá các mặt hàng cần thiết.

C. Mặt hạn chế của cạnh tranh là cơ bản.

D. Mặt tích cực của cạnh tranh mang tính trội.

Câu 19. Nâng cao sức cạnh tranh bằng cách:

A. Học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn.

B. Tự ý giảm giá để bán được nhiều hàng hoá.

C. Chèo kéo, tranh giành khách hàng.

D. Nói xấu về các mặt hàng của người khác.

Câu 20. Cạnh tranh có biểu hiện:

A. Tích cực. B. Tiêu cực.

C. Vừa tích cực vừa tiêu cực. D. Bình thường.

Câu 21. Thị trường bao gồm những yếu tố cơ bản nào?

A. Hàng hoá, tiền tệ, cửa hàng, chợ.

B. Hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán.

C. Hàng hoá, người mua, người bán.

D. Người mua, người bán, tiền tệ.

Câu 22. Hàng hoá có các thuộc tính sau?

A. Giá trị sức lao động tạo ra hàng hoá.

B. Giá trị và chất lượng của hàng hoá.

C. Giá trị và giá trị sử dụng.

D. Giá trị sử dụng và giá cả.

Câu 23. Hành vi đánh người gây thương tích xâm phạm đến quyền nào dưới đây của công dân?

A. Quyền được pháp luật bảo hộ về danh dự.

B. Quyền được pháp luật bảo hộ về nhân phẩm.

C. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở .

D. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe.

Câu 24. Việc làm nào dưới đây vi phạm quyền bảo đảm bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. Bóc thư người khác ra xem. B. Đọc thư giúp người khác.

C. Cầm hộ điện thoại giúp bạn. D. Cho bạn mượn điện thoại.

Câu 25. Thấy K có thư của bạn trai gửi đến, H đã tự ý bóc và đọc. Hành vi của H đã vi phạm quyền nào dưới đây?

A. Quyền được bảo vệ về nhân phẩm.

B. Quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe.

C. Quyền được bảo đảm bí mật thư tín.

D. Quyền được bảo hộ về danh dự.

Câu 26. Quyền bầu cử và ứng cử là các quyền dân chủ cơ bản của công dân trong lĩnh vực nào dưới đây?

A. Kinh tế. B. Chính trị.

C. Văn hóa. D. Tư tưởng.

Câu 27. Chủ thể thực hiện quyền khiếu nại là

A. cá nhân, tổ chức. B. cơ quan, tổ chức.

C. nhà nước. D. công dân.

Câu 28. Anh B đề nghị trưởng công an huyện X xem xét lại quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật đối với mình. Anh B đã thực hiện quyền nào dưới đây của công dân?

A. Khiếu nại . B. Tố cáo.

C. Tự do đi lại. D. Tự do cư trú.

Câu 29. Nhân dân phố A biểu quyết công khai mức đóng góp của mỗi hộ gia đình để xây dựng nhà văn hóa phố. Việc làm trên thể hiện quyền nào dưới đây của công dân?

A. Tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

B. Tự do ngôn luận.

C. Tự do bày tỏ ý kiến.

D. Công khai minh bạch.

Câu 30. Ông H bị cán bộ tư pháp xã từ chối cấp giấy khai sinh cho con. Nếu là ông H em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây cho phù hợp với quy định của pháp luật?

A. Nộp đơn khiếu nại đến chủ tịch xã.

B. Khiếu nại lên cán bộ tư pháp huyện.

C. Khiếu nại lên công an xã.

D. Khiếu nại lên Tòa án nhân dân huyện.

Câu 31. Tại nơi ở của nhân dân xã D có cơ sở sản xuất giấy gây ô nhiễm nguồn nước. Nếu là người dân ở xã D, em sẽ lựa chọn cách ứng xử nào dưới đây cho phù hợp với quy định của pháp luật?

A. Yêu cầu cơ sở sản xuất giấy ngừng hoạt động để bảo vệ môi trường.

B. Buộc cơ sở sản xuất giấy bồi thường thiệt hại.

C. Kiến nghị với Ủy ban nhân dân xã có biện pháp xử lí.

D. Không có ý kiến về vấn đề đó vì không liên quan.

Câu 32. Pháp luật nước ta khuyến khích tự do sáng tạo, phổ biến các tác phẩm văn học nghệ thuật nhằm thúc đẩy quyền nào dưới đây của công dân?

A. Quyền học tập.

B. Quyền tự do ngôn luận.

C. Quyền được chăm sóc sức khỏe.

D. Quyền sáng tạo.

Câu 33. Học sinh, sinh viên xuất sắc được nhà nước tạo điều kiện để phát hiện và bồi dưỡng tài năng là chính sách đảm bảo và thực hiện

A. quyền học tập của công dân.

B. quyền sáng tạo của công dân.

C. quyền phát triển của công dân.

D. bảo đảm và thực hiện quyền bình đẳng của công dân.

Câu 34. Gia đình không cho A tham gia các hoạt động vui chơi do trường học tổ chức. Trong trường hợp này, gia đình bạn A đã không thực hiện quyền nào dưới đây đối với A?

A. Quyền học tập.

B. Quyền vui chơi.

C. Quyền được phát triển.

D. Quyền sáng tạo.

Câu 35. Do không đủ điều kiện để theo học đại học sau khi tốt nghiệp THPT, nên H đã lựa chọn hệ vừa học vừa làm. Trong trường hợp này, H đã thực hiện quyền nào dưới đây?

A. Học thường xuyên, học suốt đời.

B. Học từ thấp đến cao.

C. Học không hạn chế.

D. Học bất cứ ngành nghề nào.

Câu 36. Thấy chị M thường xuyên đi làm muộn nhưng cuối năm vẫn nhận chế độ khen thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chị B nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với giám đốc K nên đã báo cho vợ giám đốc biết. Do ghen tuông, vợ giám đốc yêu cầu trưởng phòng P theo dõi chị M và bắt chồng đuổi việc chị. Ngay lập tức giám đốc K sa thải chị M. Những ai dưới đây không vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong lao động?

A. Vợ giám đốc K, trưởng phòng P và chị M.

B. Giám đốc K và chị M.

C. Giám đốc K, trưởng phòng P

D. Giám đốc K, trưởng phòng P và chị M.

Câu 37. Sau giờ học, thấy A và các bạn cùng lớp tụ tập chơi bóng đá trên sân trường, nhân viên bảo vệ đã dùng quyển sổ trực gõ lên đầu A và yêu cầu cả nhóm giải tán. B chụp được hình ảnh đó đưa lên trang mạng xã hội. Ông N là phụ huynh của B đã dùng bức ảnh đó gây sức ép, yêu cầu hiệu trưởng phải ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bảo vệ. Không cần xem xét, hiệu trưởng đã lập tức sa thải bảo vệ. Trong trường hợp này, ai là người không vi phạm quyền bình đẳng trong lao động?

A. Ông N và A, bảo vệ B. Ông N, B và hiệu trưởng

C. Ông N, bảo vệ, A và B D. Ông N, hiệu trưởng và A

Câu 38. Nghi ngờ ông X lấy cắp chiếc máy tính xách tay của mình, ông K đã báo với ông Y trưởng công an xã. Ông Y ngay lập tức ra lệnh cho P và Q đến nhà mời ông X về cơ quan. Ông X không chịu đi nên bị P và Q bắt trói đem về cơ quan. Những ai dưới đây vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

A. Ông Y, P và Q. B. Ông Y và Q.

C. Ông K và Q. D. P và Q.

Câu 39. Do ganh ghét N nên A đã bàn với anh M nhân viên bưu điện để mình đưa thư cho N giúp anh. Vì bận việc và thấy cũng tiện đường với A nên anh M đã đồng ý. Nhưng A không đưa thư cho N mà mở ra xem và hủy luôn thư. Khi biết chuyện, N cùng với bạn của mình là T đến nhà đập phá và đe dọa đánh A.Sự việc đến tai ông H trưởng công an xã, ông H đã cho người đến mời N và A về cơ quan để giải quyết. Những ai dưới đây vi phạm quyền được đảm bảo an toàn và bí mật về thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

A. M và A. B. H và T. C. M, A và T. D. M,A và H.

Câu 40. Nhân dịp cuối tuần gia đình ông A đóng cửa về nhà ngoại chơi thì bị hai thanh niên là X và N lẻn vào nhà mở tủ lấy 50 triệu đồng, khi ra khỏi cửa thì bị bà H phát hiện và hô hoán lên, ông B và ông C chạy đến và ngăn hai thanh niên lại. Trong lúc giằng co, ông B đã đẩy X ngã và bị trọng thương, thấy vậy N xông vào đánh ông B. Những ai dưới đây vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe của công dân?

A. Anh X, N và B. B. X và N. C. Anh X và B. D. Ông B và N.

**PHẦN ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2D | 3B | 4D | 5A | 6A | 7A | 8A | 9A | 10A |
| 11D | 12B | 13D | 14B | 15A | 16A | 17C | 18D | 19A | 20C |
| 21B | 22C | 23D | 24A | 25C | 26B | 27A | 28A | 29A | 30A |
| 31C | 32D | 33C | 34C | 35A | 36A | 37C | 38D | 39A | 40D |